

Chức vụ - Chức vụ
Chức vụ - Chức vụ
20/12
Ph

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH PHƯỚC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 72/2011/QĐ-UBND

Bình Phước, ngày 21 tháng 12 năm 2011

QUYẾT ĐỊNH

Về định mức phân bổ chi thường xuyên
ngân sách địa phương kỳ ổn định ngân sách 2012-2015

CÔNG VĂN ĐẾN
Số: 530
Ngày 22 Tháng 12 Năm 2011

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

1B ngày 12/12/2011
theo EP 45/2011
PX DVB và PKT
T D V I H A L N / C
để trình theo đ
cụ thể.

23/12/11
12/12/11
Hùng

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26/11/2003;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước năm 2002 và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Quyết định số 59/2010/QĐ-TTg ngày 30/9/2010 của Thủ tướng Chính phủ về ban hành định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách nhà nước năm 2011;

Căn cứ Nghị quyết số 19/2011/NQ-HĐND của Hội đồng nhân dân tỉnh khoá VIII - kỳ họp thứ 3 thông qua ngày 9/12/2011 về thông qua định mức phân bổ chi thường xuyên ngân sách địa phương kỳ ổn định ngân sách 2012-2015;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính tại Tờ trình số 2450/TTr-STC ngày 20/12/2011;

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành định mức phân bổ chi thường xuyên ngân sách địa phương kỳ ổn định ngân sách 2012-2015 với nội dung chủ yếu sau:

I. ĐỊNH MỨC PHÂN BỐ

1. Định mức phân bổ chi sự nghiệp giáo dục: Được tính trên cơ sở bảo đảm tỷ lệ chi tiền lương, phụ cấp, các khoản có tính chất lương (bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn) tối đa 80%, chi thực hiện nhiệm vụ giáo dục không kể chi tiền lương và các khoản có tính chất lương tối thiểu 20% (chưa kể nguồn thu học phí).

2. Định mức phân bổ chi sự nghiệp đào tạo và dạy nghề:

Định mức phân bổ theo tiêu chí dân số (không kể dân số từ 1 - 18 tuổi):

Đơn vị: đồng/người dân/năm.

Vùng	Định mức TW phân bổ cho địa phương	Định mức phân bổ cho cấp tỉnh	Định mức phân bổ cho cấp huyện, thị
Miền núi - Vùng sâu	80.600	25.600	55.000

3. Định mức phân bổ chi sự nghiệp y tế:

a) Định mức phân bổ cho viên chức sự nghiệp khối tỉnh, huyện, xã tỉnh như định mức phân bổ chi quản lý hành chính nhà nước, đảng, đoàn thể.

b) Định mức giường bệnh:

- + Bệnh viện đa khoa tỉnh 53 triệu đồng/giường bệnh;
- + Bệnh viện y học cổ truyền tỉnh: 50 triệu đồng/giường bệnh;
- + Bệnh viện huyện: 42 triệu đồng/giường bệnh;

Đơn vị: đồng/người dân/năm.

Vùng	Định mức TW phân bổ cho địa phương	Định mức phân bổ cho cấp tỉnh	Định mức phân bổ cho cấp huyện, thị
Miền núi – Vùng sâu	186.940	92.940	94.000

4. Định mức phân bổ chi quản lý hành chính nhà nước, đảng, đoàn thể:

a) Định mức phân bổ theo biên chế:

- **Cấp tỉnh:** Đối với đơn vị cấp tỉnh: 60 triệu đồng/biên chế/năm.

- **Cấp huyện, thị:** Đối với đơn vị cấp huyện, thị xã: 55 triệu đồng/biên chế/năm.

- **Cấp xã, phường, thị trấn:** Ngoài các khoản lương, phụ cấp và các khoản đóng góp theo chế độ các xã, phường, thị trấn được khoán chi hoạt động với định mức như sau:

+ Xã miền núi – Vùng sâu: 435 triệu đồng/xã/năm.

+ Xã còn lại: 315 triệu đồng/xã/năm.

b) Căn cứ định mức nêu trên nếu mức chi thực hiện nhiệm vụ không kể chi tiền lương và các khoản có tính chất lương nhỏ hơn 30% so với tổng chi quản lý hành chính nhà nước, đảng, đoàn thể sẽ được bổ sung kinh phí hoạt động đủ 30%.

5. Định mức phân bổ chi sự nghiệp văn hóa – thông tin:

Đơn vị: đồng/người dân/năm.

Vùng	Định mức TW phân bổ cho địa phương	Định mức phân bổ cho cấp tỉnh	Định mức phân bổ cho cấp huyện, thị
Miền núi – Vùng sâu	23.660	8.660	15.000

6. Định mức phân bổ chi sự nghiệp phát thanh – truyền hình:

Đơn vị: đồng/người dân/năm.

Vùng	Định mức TW phân bổ cho địa phương	Định mức phân bổ cho cấp tỉnh	Định mức phân bổ cho cấp huyện, thị
Miền núi – Vùng sâu	14.220	7.220	7.000

7. Định mức phân bổ chi sự nghiệp thể dục – thể thao:

Đơn vị: đồng/người dân/năm.

Vùng	Định mức TW phân bổ cho địa phương	Định mức phân bổ cho cấp tỉnh	Định mức phân bổ cho cấp huyện, thị
Miền núi – Vùng sâu	11.280	5.280	6.000

8. Định mức phân bổ chi sự nghiệp đảm bảo xã hội:

Đơn vị: đồng/người dân/năm.

Vùng	Định mức TW phân bổ cho địa phương	Định mức phân bổ cho cấp tỉnh	Định mức phân bổ cho cấp huyện, thị
Miền núi – Vùng sâu	27.260	8.260	19.000

9. Định mức phân bổ chi quốc phòng:

Đơn vị: đồng/người dân/năm.

Vùng	Định mức TW phân bổ cho địa phương	Định mức phân bổ cho cấp tỉnh	Định mức phân bổ cho cấp huyện, thị
Miền núi – Vùng sâu	21.140	9.140	12.000

Riêng đối với các huyện biên giới được phân bổ thêm kinh phí với mức 300 triệu đồng/xã biên giới.

10. Định mức phân bổ chi an ninh:

Đơn vị: đồng/người dân/năm.

Vùng	Định mức TW phân bổ cho địa phương	Định mức phân bổ cho cấp tỉnh	Định mức phân bổ cho cấp huyện, thị
Miền núi – Vùng sâu	9.180	2.680	6.500

Riêng đối với các huyện biên giới được phân bổ thêm kinh phí với mức 225 triệu đồng/xã biên giới.

11. Định mức phân bổ chi sự nghiệp kinh tế:

Dự toán chi sự nghiệp kinh tế các huyện, thị xã được phân bổ theo mức bằng 10% chi thường xuyên các lĩnh vực chi (từ mục 1 đến mục 10 nêu trên). Đối với 03 thị xã được bổ sung thêm 05 tỷ đồng/thị xã/năm.

12. Định mức phân bổ chi sự nghiệp khoa học công nghệ, sự nghiệp môi trường:

Dự toán chi sự nghiệp khoa học công nghệ và sự nghiệp môi trường được phân bổ theo đề án của Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt.

13. Định mức phân bổ chi thường xuyên khác của NSDP:

Phân bổ theo tỷ trọng (bằng 0,5%) tổng các khoản chi thường xuyên đã tính được theo định mức phân bổ dự toán chi ngân sách quy định từ mục 1 đến mục 12 như trên.

Đối với các huyện có xã biên giới được bổ sung kinh phí theo mức 300 triệu đồng/xã biên giới để thực hiện nhiệm vụ quan hệ với các địa phương nước bạn.

Đối với các huyện, thị xã có dân số dưới 50.000 dân được tính tăng thêm 8% số chi theo định mức dân số nêu trên.

14. Định mức dự phòng ngân sách: Tỷ lệ dự phòng ngân sách các huyện, thị xã từ 2 đến 5%.

II. PHƯƠNG PHÁP XÁC ĐỊNH MỘT SỐ TIÊU CHÍ CĂN CỨ ĐỊNH MỨC PHÂN BỐ DỰ TOÁN CHI THƯỜNG XUYỀN

1. Về dân số: Tỉnh Bình Phước là tỉnh miền núi dân số của 10 huyện, thị trong tỉnh được xếp vào tiêu chí dân số miền núi, vùng sâu.

2. Về định mức phân bổ: Các định mức phân bổ theo tiêu chí dân số được quy định từ mục 1 đến mục 10 nêu trên được áp dụng cho các huyện, thị xã làm cơ sở xây dựng dự toán.

3. Định mức phân bổ trên: đã bao gồm chi tiền lương, có tính chất lương theo quy định với mức lương tối thiểu 730.000 đồng/tháng.

Điều 2. Các ông (bà) Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc Sở Tài chính, Cục trưởng Cục Thuế Nhà nước, Cục trưởng Cục Hải quan, Giám đốc Kho bạc Nhà nước, Thủ trưởng các Sở, ban, ngành, doanh nghiệp và Chủ tịch UBND các huyện, thị xã chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này, kể từ ngày ký./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH



Trương Tấn Thiệu

Nơi nhận:

- Bộ Tài chính;
- Cục Kiểm tra văn bản (Bộ Tư pháp);
- TT TU, TT HĐND tỉnh;
- CT, PCT UBND tỉnh;
- Như Điều 3;
- Sở Tư pháp;
- TTTH và CB;
- LĐVP, Phòng KTTH;
- Lưu: VT. 50